

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ XYZ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 07 / 9 / 2021  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ XYZ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lư Thị Châu Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố XYZ, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố XYZ, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố XYZ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2021/TLST-HN&GD ngày 10/3/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 28/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Dm, sinh năm 1976, địa chỉ: 9xxx, thành phố XYZ, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Trần Văn Um, sinh năm 1973, địa chỉ: 9xxx, thành phố XYZ, tỉnh An Giang.

Bà Dm có mặt; ông Um vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dm trình bày:* Bà và ông Trần Văn Um tự quen biết và tìm hiểu yêu thương nhau, quyết định sống chung vào năm 1996, không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống xa nhau từ đó đến nay, nguyên nhân do ông Um có quan hệ bất chính với người

phụ nữ khác, từ đó bà Dm và ông Um thường xuyên cự cãi.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Thị Thúy Uk, sinh ngày 07/4/1997 (hiện đã thành niên và có khả năng lao động). Bà Dm không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã ban hành các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn Um nhưng ông Um đều vắng mặt.

Em Trần Thị Thúy Uk (con ruột Um) cung cấp lời khai: Uk là người nhận trực tiếp các văn bản tố tụng do Tòa án ban hành gửi cho ông Um. Sau khi nhận văn bản của Tòa án, Uk có thông báo bằng hình thức điện thoại cho cha (ông Um) biết. Đồng thời Uk cũng cho biết thêm, quá trình sống chung, cha mẹ luôn xảy ra mâu thuẫn và đã không còn sống chung đã lâu.

Ngày 06/9/2021, ông Um có Tờ tường trình trình bày ý kiến như sau: Chấp nhận yêu cầu ly hôn với bà Dm, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung nợ chung không có, không yêu cầu, xin xét xử vắng mặt.

- Do bà Dm và ông Um chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nên Tòa án không hòa giải về hôn nhân. Về con chung, bà Dm, ông Um xác định có 01 con chung tên Trần Thị Thúy Uk, sinh ngày 07/4/1997, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, bà Dm, ông Um chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà Dm và ông Um là vợ chồng.

Đối với con chung: Đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập đến để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố XYZ. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố XYZ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn Um có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Dm, ông Um chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà Nguyễn Thị Dm và ông Trần Văn Um là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Dm, ông Um xác định có 01 con chung Trần Thị Thúy Uk, sinh ngày 07/4/1997 (hiện đã thành niên và có khả năng lao động). Cả hai không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Dm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Dm đã nộp. Do đó bà Dm không phải nộp thêm án phí.

Ông Trần Văn Um không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

- Tuyên xử: Không công nhận bà Nguyễn Thị Dm và ông Trần Văn Um là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thúy Uk, sinh ngày 07/4/1997, đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Dm phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2019/0004341 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố XYZ; bà Dm đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn Um không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Dm có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn Um là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát XYZ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS XYZ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**Lư Thị Châu Ngọc**